

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST  
Ngày: 15-5-2023  
V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Ngọc Tuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Trương Hữu Bình;
- Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 382/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Ngọc H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1992 và bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 7, ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2022, bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà Võ Ngọc H) trình bày:*

Do có mối quan hệ là đồng nghiệp nên bà H có cho vợ chồng bà T và ông Đ vay số tiền mà bà H dự định dùng để đáo hạn 02 khoản vay tại ngân hàng

chính sách xã hội là 70.000.000 đồng. Hai bên có làm giấy tờ ghi nhận. Sau đó, phía bà T, ông Đ đã thanh toán được khoản tiền 20.000.000 đồng của 01 khoản vay, còn khoản vay còn lại là 50.000.000 đồng, ông Đ và bà T mới chỉ thanh toán được số tiền 3.000.000 đồng, còn lại 47.000.000 đến nay chưa thanh toán. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ nhưng vợ chồng ông Đ, bà T đều trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ theo thoả thuận.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T phải thanh toán số tiền còn nợ là 47.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 3.290.000 đồng.

Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu ông Đ, bà T phải thanh toán số tiền còn nợ là 47.000.000 đồng, đối với số tiền lãi 3.290.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp những tài liệu chứng cứ sau đây: giấy mượn tiền đề ngày 15/10/2021 (photo), giấy mượn tiền đề ngày 05/6/2022 (photo), sổ vay vốn và hợp đồng tín dụng (photo), bản tự khai.

Ngoài ra, nguyên đơn không cung cấp chứng cứ, không trình bày ý kiến gì khác.

*Bị đơn ông Đ và bà T trong quá trình tố tụng đã được Tòa án thực hiện thủ tục triệu tập và cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Đ và bà T vắng mặt không có lý do.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H có mặt, bị đơn ông Đ và bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội

đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn ông Đ và bà T phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 47.000.000 đồng và tiền lãi là 3.290.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 15/10/2021 và 05/6/2022. Ông Đ và bà T hiện đang cư trú tại ấp L, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tại phiên hoà giải và tại phiên toà, nguyên đơn tự nguyện xin rút yêu cầu về số tiền lãi 3.290.000 đồng, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này.

[3] Về nội dung tranh chấp: Bà H yêu cầu ông Đ và bà T thanh toán số tiền còn nợ là 47.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 15/10/2021 và 05/6/2022 có nội dung ghi nhận ông Đ và bà T có mượn của bà H số tiền 50.000.000 đồng, ông Đ và bà T có ký tên, ghi rõ họ tên và lấn tay trên giấy nợ, việc thanh toán diễn ra hàng tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nguyên đơn xác định bị đơn đã thanh toán được 01 tháng là 3.000.000 đồng nên chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 47.000.000 đồng. Bị đơn ông Đ và bà T có hộ khẩu thường trú và vẫn còn sinh sống tại địa phương, đã được Toà án niêm yết bản sao giấy cho vay tiền cũng như thông báo thụ lý, giấy triệu tập cùng các văn bản tố tụng khác tại nhà ông Đ và bà T để ông Đ và bà T để tham gia tố tụng nhưng ông Đ và bà T đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản đối nội dung nguyên đơn tranh chấp với bị đơn. Xét giấy mượn tiền đề ngày ngày 15/10/2021 và 05/6/2022, hợp đồng tín dụng, sổ vay vốn và các chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định: Giữa bà H và ông Đ và bà T đã thiết lập quan hệ vay tài sản, bà H là bên cho vay, còn ông Đ và bà T là bên vay, số tiền vay là 50.000.000 đồng, ông Đ và bà T đã trả được số tiền 3.000.000 đồng theo sự thừa nhận của nguyên đơn, còn nợ của nguyên đơn số tiền 47.000.000 đồng. Hết thời hạn vay, bà H đã thông báo nhiều lần nhưng ông Đ và bà T vẫn không tiếp tục thực hiện việc trả nợ là ông Đ và bà T đã vi phạm thỏa thuận đã ký kết. Yêu cầu của bà H về việc buộc ông Đ và bà T thanh toán số tiền 47.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Ngọc H đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.**

Buộc ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Võ Ngọc H số tiền là 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Ngọc H về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả số tiền lãi 3.290.000 đồng (ba triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).**

**3. Án phí dân sự sơ thẩm:**

Ông Nguyễn Tấn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải liên đới chịu 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Võ Ngọc H số tiền 1.475.000 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp theo hai biên lai thu số AA/2021/0010932 ngày 29 tháng 9 năm 2022 và AA/2021/0011390 ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**4. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/5/2023).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Ngọc Tuyên**

